

Bản án số: 208 /2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020

“V/v Ly hôn giữa chị N và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **MAI THỊ ÚT**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hằng N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ 10, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ 10, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, anh T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Hằng N trình bày:** Chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2010, đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, anh T nghiện ma túy, thiếu trách nhiệm vợ con nên mất hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K sinh ngày 13/10/2010 và Nguyễn T1, sinh ngày 22/8/2013, hiện sống với cha mẹ anh T.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị N xin được ly hôn anh T. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T tại biên bản ghi lời khai trình bày: Anh và chị N tiến đến hôn nhân trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, anh chị có đăng ký kết hôn năm 2012. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì chị N về quê mẹ ở Cà Mau sinh sống do anh nghiện ma túy và do gia đình chị N tác động nên chị N mới bỏ đi. Về con chung, tài sản chung, nợ chung thống nhất lời trình bày chị N.

Anh đồng ý ly hôn chị N. Yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ đúng qui định pháp luật.

Ý kiến việc giải quyết vụ án: Tình cảm vợ chồng chị N, anh T đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ. Về nuôi con chung, từ khi ly thân 02 con chung sống với ông bà nội. Các con cũng có nguyện vọng ở cùng ông bà nội. Đối với chị N từ năm 2016 chị N ít về thăm con, chỉ gửi tiền cho con 01 lần, còn anh T thì đang cai nghiện bắt buộc. Để đảm bảo sự phát triển và điều kiện sống ổn định cần tiếp tục giao 02 con chung cho ông bà nội là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T2 nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung không có. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị N. Cho chị N ly hôn anh T. Con chung giao cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T2 nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/7/2020 anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án với lý do anh đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang. Còn đối với chị Nguyễn Hằng N ngày 18/8/2020 cũng có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng với lý do bận đi làm xa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị N và anh T tiến đến hôn nhân năm 2010 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn năm 2012. Tuy nhiên, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp nhau, anh T nghiện ma túy dù trước đó đã được chị N và gia đình đưa đi cai nghiện nhưng anh vẫn tái nghiện và hiện tại anh đang điều trị cai nghiện ma túy tại cơ sở cai

nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang. Đối với anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K sinh ngày 13/10/2010 và Nguyễn T1, sinh ngày 22/8/2013, hiện do cha mẹ anh T nuôi dưỡng. Cả chị N và anh T đều yêu cầu nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, anh T hiện đang cai nghiện ma túy nên không thể thực hiện việc trực tiếp nuôi con. Còn chị N hiện có công việc ổn định, bản thân chị không thuộc 01 trong các trường hợp bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên theo điều 85 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó để tạo điều kiện cho chị N chăm sóc, vun đắp tình cảm với con chung nên Hội đồng xét xử xem xét giao cả 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng mặc dù các cháu có nguyện vọng sống với ông bà nội là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[7] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè chỉ phù hợp 01 phần với nhận định của Hội đồng xét xử. Riêng việc giải quyết quyền nuôi con chung như đã nhận định ở trên lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Hằng N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hằng N ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Hằng N được quyền nuôi cháu Nguyễn Tuấn K sinh ngày 13/10/2010 và Nguyễn T1, sinh ngày 22/8/2013.

2.2. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Hằng N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên

lai thu số 0003438 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hằng N và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

